

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:308/2023/DS-ST
Ngày 28-11-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Như

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Lin

Bà Võ Thị Kiều Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 547/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 455/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Vĩnh T, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp P, xã , huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Nguyễn Phước H, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: Bà Lê Thị Phụng E, sinh năm: 1970.Địa chỉ liên hệ: Ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện Tòa án nhận ngày 24/7/2023 của ông Trần Vĩnh T và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:

Ông Trần Vĩnh T và bà Lê Thị Phụng E có làm ăn mua bán phế liệu với nhau kéo dài đến năm 2021. Quá trình mua bán phế liệu hai bên đã thống nhất với nhau, bà Phụng còn nợ ông T số tiền 104.000.000 đồng. Ông T đã nhiều lần liên hệ trực tiếp yêu cầu bà E lại số tiền còn thiếu nhưng bà E vẫn không thanh toán ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Phụng E phải thanh toán số tiền còn nợ là 104.000.000 đồng, ngay sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và

không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn bà Lê Thị Phụng E trình bày:

Bà và ông Trần Vĩnh T có làm ăn buôn bán qua lại với nhau, bà xác định còn nợ ông T số tiền 104.000.000 đồng. Nay ông T khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền trên, bà đồng ý trả nhưng hiện nay điều kiện kinh tế khó khăn, công việc làm ăn của bà không được thuận lợi nên bà đề nghị ông T cho bà gia hạn qua Tết âm lịch 2024, khi nào công việc làm ăn ổn định, bà sẽ trả dần số tiền trên cho ông T.

Tại phiên tòa:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với ý kiến của bị đơn.

- Bị đơn giữ ý kiến đề nghị được gia hạn thời gian thanh toán số tiền còn nợ nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Ông Trần Vĩnh T khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Phụng E phải trả số tiền mua bán phế liệu là 104.000.000 đồng nên đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Lê Thị Phụng E cư trú tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An, do đó vụ án sơ thẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An theo quy định tại điểm a, Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hai bên mua bán phế liệu với nhau đến năm 2021 nhưng không thỏa thuận chính xác ngày trả tiền nên vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự.

[2] Về việc không tham gia phiên tòa của Kiểm sát viên: Theo Khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có quy định về việc Kiểm sát viên tham gia phiên tòa sơ thẩm đối với những vụ án do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, vụ án này Tòa án không thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm và Tòa án tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa, các đương sự cam kết không bổ sung chứng cứ gì khác ngoài các chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông T khởi kiện yêu cầu bà E có nghĩa vụ trả lại số tiền 104.000.000đ còn nợ do việc mua bán phế liệu giữa hai bên, bị đơn bà E thừa nhận còn nợ ông T số tiền 104.000.000đ, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra*”

thì bên đương sự đó không phải chứng minh... ”. Do vậy, có đủ cơ sở xác định bà E còn nợ ông T số tiền 104.000.000đồng.

[5]. Về thời hạn trả tiền: Xét thấy, việc mua bán giữa hai bên đã kết thúc từ năm 2021, bị đơn đã nhận hàng hóa nhưng chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn, giữa hai bên cũng không có thỏa thuận khác về thời hạn trả tiền nên việc nguyên đơn không đồng ý yêu cầu xin gia hạn của bị đơn là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự “*Nghĩa vụ trả tiền: Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng; Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản...*”.

[6]. Về lãi suất: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 104.000.000đ, không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét phần lãi suất là phù hợp theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng Dân sự “*Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện...*”

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Lê Thị Phụng E phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 5, 21, 26, 35, 39, 92, 147, 186, 227, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 429, 430, Điều 440, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Vĩnh T về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán” với bà Lê Thị Phụng E.

Buộc bà Lê Thị Phụng E có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Trần Vĩnh T số tiền 104.000.000 đồng (một trăm lẻ bốn triệu đồng), sau khi áncó hiệu lực pháp luật.

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm

trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị Phụng E phải nộp 5.200.000 đồng (năm triệu hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước;

Ông Trần Vĩnh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông Trần Vĩnh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.600.000 đồng (hai triệu sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006000 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- TAND tỉnh Long An;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM
PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Ngọc Như

